

Số: ~~124~~ /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 7 năm 2020

## BÁO CÁO

**Tổng kết thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017-2020**

### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 712

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 về việc phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Văn bản số 4790/UBND-NNTN ngày 08/8/2017 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát đề xuất dự án xây dựng mô hình gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong đó, tỉnh đề xuất 03 mô hình: mô hình cấp nước uống cho trường học tại các xã đảo (tại huyện Lý Sơn); mô hình xử lý chất thải rắn quy mô liên xã (tại huyện Sơn Hà); mô hình tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp xã (tại huyện Sơn Hà). Theo đó, UBND tỉnh cam kết thực hiện các nội dung như: Công tác lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng; bố trí vốn đối ứng của địa phương theo quy định; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân; có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân (Hợp tác xã, doanh nghiệp) cùng tham gia xây dựng mô hình (nếu được đầu tư). Tuy nhiên, tỉnh Quảng Ngãi chỉ được duyệt đầu tư 02 mô hình:

- Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học và trạm y tế tại các xã đảo của huyện Lý Sơn: 5.143 triệu đồng; trong đó, kế hoạch năm 2019 là 3.000 triệu đồng, kế hoạch năm 2020 là 2.143 triệu đồng.

- Nhà máy xử lý chất thải rắn tại huyện Sơn Hà: 9.600 triệu đồng.

### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 712

#### 1. Về rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn;

- Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

- Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

- Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế về đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Kết quả khảo sát, rà soát, đánh giá các mô hình hiện có**

### **a) Đối với mô hình cung cấp nước sạch nông thôn**

#### **a.1) Thực trạng:**

Từ khi triển khai đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng được 479 công trình cấp nước nông thôn tập trung với tổng nguồn vốn đầu tư lên đến gần 500 tỉ đồng. Các công trình sau khi hoàn thành đã giải quyết được tình trạng thiếu nước sinh hoạt tại một số vùng nông thôn, từng bước cải thiện đời sống, sức khỏe cho Nhân dân tại các vùng hưởng thụ dự án. Bên cạnh đó, cũng góp phần giải phóng sức lao động cho người dân, đồng thời góp phần kết cấu hạ tầng ở nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới, đưa tỉ lệ người dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 93%.

Tuy nhiên, do công tác quản lý tại một số địa phương còn lỏng lẻo, các dự án hoàn thành nghiệm thu và bắt đầu cấp nước thì lại không thu được tiền nước dẫn đến việc không có tiền chi trả chi phí quản lý cũng như các hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng. Vì vậy, tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung hoạt động hiệu quả chưa cao. Đặc biệt, trong số 479 công trình đã hoàn thành đầu tư xây dựng, có đến 451 công trình triển khai tại các huyện miền núi và trong số này không có công trình nào hoạt động bền vững và 131 công trình hiện không hoạt động.

Một số chỉ số cơ bản: Theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố số liệu Bộ chỉ số Theo dõi – Đánh giá Nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi năm 2019:

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93% (298.275 hộ/320.731 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 16,14% (51.762 hộ/320.731 hộ);

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 76,86% (246.513 hộ/320.731 hộ);

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đáp ứng QCVN: 45,46% (145.799 hộ/320.731 hộ), trong đó:

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 16,14% (51.762 hộ/320.731 hộ);

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: 76,86% (94.037 hộ/320.731 hộ).

- Tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung hoạt động hiệu quả, bền vững (toàn tỉnh có 479 công trình), trong đó:

+ Bền vững: 6,47% (31/479 công trình);

+ Tương đối bền vững: 1,46% (7/479 công trình);

+ Kém bền vững: 64,71% (310/479 công trình);

+ Không hoạt động; 27,34% (131/479 công trình).

#### a.2) Đánh giá và đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả

Để phát huy được hiệu quả, về lâu dài các công trình cấp nước sinh hoạt phải chuyển từ phục vụ sang dịch vụ. Người dân không nên ỷ lại vào các đơn vị cung cấp, quản lý, vì có thu phí dịch vụ, thì các công trình mới được giữ gìn, nâng cấp, chất lượng phục vụ mới đảm bảo. Các địa phương cũng cần quyết liệt chỉ đạo và giao cho đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn trong khai thác các công trình.

Đối với mô hình cung cấp nước sạch cho huyện đảo Lý Sơn:

- Qua khảo sát thực tế tại các điểm trường và trạm y tế huyện Lý Sơn, hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt của các trường học, trạm y tế đều sử dụng nước ngầm bằng hình thức giếng khoan bơm lên bồn chứa để sử dụng; lưu lượng tương đối ổn định nhưng chất lượng không đảm bảo theo QCVN 06-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai và QCVN 01:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống. Đánh giá chung về nguồn nước hiện trạng đáp ứng nguồn nước cấp cho hệ thống lọc.

- Hiện tại các trường, trạm y tế sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ để sử dụng trực tiếp (*không có hệ thống xử lý*) nên chất lượng nước không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là vào mùa khô nguồn nước bị nhiễm lợ lên đến 5.000 ppm, vì vậy việc đầu tư xây dựng mô hình nước uống cho trường học, trạm y tế là hết sức cần thiết thiết vì mang lại lợi ích cho cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội.

#### **b) Đối với mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt**

b.1) Thực trạng:

Theo số liệu thống kê, hiện nay tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý khoảng 500 tấn/ngày; công tác thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định chủ yếu tập trung tại các đô thị, khu dân cư tập trung. Hiện nay, công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh do các công ty dịch vụ môi trường, hợp tác xã vệ sinh môi trường hoặc các tổ, đội vệ sinh tại các địa phương thực hiện như: Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama thu gom, vận chuyển chất thải rắn cho huyện Bình Sơn và Khu Kinh tế Dung Quất; Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi thu gom, vận chuyển chất thải rắn cho thành phố Quảng Ngãi; Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Đa Lộc thu gom vận chuyển chất thải rắn cho huyện Lý Sơn; ... Nhìn chung, công tác thu gom, xử lý rác thải chỉ giải quyết được ở khu vực trung tâm đô thị và trung tâm xã, còn đối với khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa chưa triển khai; lượng rác thu gom còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

Chất thải rắn sinh hoạt sau khi đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chủ yếu bằng phương pháp đốt, chôn lấp hợp vệ sinh (chủ yếu là tại Nhà máy xử lý rác Lý Sơn, Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên, Bãi chứa rác tạm Đồng Nà) còn các bãi rác khác chủ yếu là chôn lấp chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, chưa thực sự đem lại hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực nông thôn, những khu vực chưa được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển thì người dân tự thu gom và xử lý bằng cách đốt hoặc đào hố để chôn lấp.

Một số chỉ số cơ bản:

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom (40-50%);
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt nông thôn được xử lý: chôn lấp 60%; đốt 30%; hình thức khác 10% (sản xuất phân bón..);
- Rác thải sinh hoạt chưa được thực hiện phân loại tại nguồn;
- Số lò đốt rác thải cấp xã trở lên: 6 lò;
- Số mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn hoạt động hiệu quả, bền vững: 8-9 mô hình.

b.2) Đánh giá và đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường khu vực nông thôn thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên thực tiễn công tác này vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn. Nhiều vấn đề môi trường bức xúc tại khu vực nông thôn phát sinh cùng với quá trình công nghiệp hóa đối với khu vực này. Tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong đó việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, chất kích thích sinh trưởng, phân bón, ... chưa được kiểm soát chặt chẽ, xử lý triệt để đã dẫn đến ô nhiễm thực phẩm, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí. Điều này cho thấy trách nhiệm của đơn vị quản

lý và hiệu quả thực thi các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa cao, đặc biệt là trách nhiệm của đơn vị quản lý trực tiếp ở khu vực nông thôn là UBND cấp xã. Một trong những nguyên nhân là do những khó khăn về chi đạo, điều hành ở cấp cao hơn, về kinh phí, về quỹ đất để quy hoạch và xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, về nhân lực để thực hiện khâu tổ chức, kiểm tra, giám sát còn thiếu và yếu. Với số lượng hạn chế ở đơn vị quản lý cấp xã, cán bộ môi trường hầu hết là kiêm nhiệm, chưa được quan tâm trong đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nên khó phát huy được hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

Một số giải pháp thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nông thôn hiện nay:

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin và truyền thông, hoạt động giáo dục pháp luật về môi trường trong nhà trường và ngoài xã hội;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, kiện toàn hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường;

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường;

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực về môi trường;

- Cần xây dựng quy chế quản lý, hương ước, qui ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải nông thôn.

### **3. Kết quả xây dựng các mô hình thí điểm**

#### ***a) Công tác triển khai thực hiện***

##### **a.1) Công tác hướng dẫn và triển khai thực hiện**

Trên cơ sở Đề án và chủ trương đầu tư của mô hình được duyệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các sở, ban, ngành của tỉnh triển khai thực hiện ngay các công việc liên quan đến mô hình nhằm thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả.

##### **a.2) Kết quả huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện các mô hình:**

Đối với mô hình cung cấp nước sạch nông thôn: Tổng mức đầu tư của mô hình được duyệt là 5.143 triệu đồng. Đến nay nguồn kinh phí để thực hiện mô hình đã được bố trí đủ 100% so với tổng mức được duyệt (cụ thể: Bố trí vốn từ nguồn ngân sách dự phòng 10% của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 là 3.000 triệu đồng; năm 2020 là 2.143 triệu đồng).

Đối với mô hình thu gom và xử lý chất thải rắn quy mô liên xã: Nhà máy xử lý chất thải rắn tại huyện Sơn Hà: tổng mức đầu tư 10.500 triệu đồng,

trong đó: vốn từ nguồn ngân sách dự phòng 10% của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được bố trí trong năm 2020 là 9.600 triệu đồng.

a.3) Việc triển khai thực hiện các mô hình thí điểm từ ngân sách các địa phương

Đối với mô hình cấp nước cho Lý Sơn: UBND huyện cam kết bố trí kinh phí hàng năm cho 15 điểm trường và trạm y tế để vận hành, thay thế, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ thiết bị lọc nước theo quy trình bảo trì thiết bị.

Đối với nhà máy xử lý chất thải rắn tại huyện Sơn Hà: Tổng mức đầu tư 10.500 triệu đồng, trong đó: Ngân sách huyện, xã, Hợp tác xã và vốn khác 900 triệu đồng, chiếm 8,57% tổng mức đầu tư.

**b) Kết quả xây dựng các mô hình thí điểm (từ tháng 6/2017 đến nay)**

b.1) Đối với mô hình cung cấp nước sạch

UBND tỉnh giao cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án Xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học và trạm y tế trên địa bàn huyện Lý Sơn. Cuối năm 2019, đơn vị Chủ đầu tư đã tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Môi trường Việt Thái Sinh (Địa chỉ: Số 12 Hoàng Du Khương, Phường 12, Quận 10, TP Hồ Chí Minh) về việc thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị thuộc dự án. Đã tổ chức bàn giao mặt bằng vị trí thực hiện tại các điểm trường học và trạm y tế cho đơn vị thi công. Đến nay, công trình đã hoàn thành việc thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho trường học và trạm y tế các xã đảo của huyện Lý Sơn. Đơn vị thi công đã xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống đơn giản hóa, thuận lợi cho người sử dụng và hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ thiết bị lọc cho các đơn vị thụ hưởng. Đơn vị thi công đang lập các hồ sơ pháp lý, hoàn công để gửi Chủ đầu tư xem xét trước khi trình cơ quan thẩm quyền tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình.

b.2) Đối với mô hình thu gom và xử lý chất thải rắn quy mô liên xã

Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn tại huyện Sơn Hà đã được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, với quy mô: 9 tấn rác/ngày bằng phương pháp đốt. Hiện tại, dự án này đang trong giai đoạn hoàn thành các thủ tục pháp lý về môi trường, cụ thể:

- Đã tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, thương thảo và ký hợp đồng thi công.

- Kế hoạch đến tháng 7/2020 khởi công xây dựng công trình.

- Dự kiến công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trước 31/12/2020.

Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, công trình được giao cho Hợp tác xã quản lý và vận hành theo quy định của pháp luật.

#### **4. Đánh giá chung**

##### ***a) Mặt tích cực***

Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ từ các Bộ, ngành Trung ương, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, tổ chức đoàn thể các cấp trong quá trình thực hiện.

Ngoài ra, được sự hỗ trợ đầu tư nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, kết hợp với việc bố trí vốn từ ngân sách địa phương theo Quyết định 4275/QĐ-BNN-VPĐP ngày 30/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân nào giúp cán bộ, học sinh tại các điểm trường học và trạm y tế huyện đảo Lý Sơn có nguồn nước uống đảm bảo an toàn vệ sinh, nâng cao sức khỏe cho người dân và góp phần bảo vệ môi trường nông thôn.

Trong quá trình triển khai thực hiện công trình: Dự án xây dựng mô hình cấp nước uống cho trường học và trạm y tế các xã đảo của huyện Lý Sơn, từ khi tổ chức khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đến giai đoạn triển khai thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị đều được sự đồng thuận và phối hợp tích cực của chính quyền huyện đảo Lý Sơn và các đơn vị liên quan. Do đó, để bảo đảm điều kiện thuận lợi khi triển khai thực hiện Dự án và an ninh, an toàn trong quá trình thi công, Chủ đầu tư luôn phối hợp với đơn vị thi công và các đơn vị có liên quan triển khai các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng đến Nhân dân trong quá trình thi công xây dựng.

##### ***b) Những khó khăn, vướng mắc***

Đối với Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn tại huyện Sơn Hà, tiến độ thực hiện dự án chậm so với kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân là do dự án thực hiện theo cơ chế thí điểm về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ nên thủ tục đầu tư xây dựng bao gồm: Lấy ý kiến góp ý vào dự án của các Bộ, ngành Trung ương, thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thẩm định về công nghệ, bổ sung quy hoạch công trình xử lý chất thải, ... nên mất khá nhiều thời gian.

Về mô hình cung cấp nước sạch, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 dẫn đến chậm triển khai thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho trường học và trạm y tế theo tiến độ của đơn vị thi công. Việc thực hiện Dự án phần nào ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sinh hoạt, làm việc của người dân trong vùng dự án, đặc biệt là trong quá trình thi công phân xây dựng và lắp đặt thiết bị trong khuôn viên của các điểm trường học, trạm y tế nên ảnh hưởng đến việc đi lại, học hành của học sinh, chăm sóc và khám chữa bệnh của Nhân dân. Mặt khác, điều kiện đi lại khó khăn, phức tạp do đặc điểm vùng Dự án tại huyện đảo nên xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thi công xây dựng và

lắp đặt thiết bị sau khoảng thời gian buộc tạm dừng do dịch COVID-19 cũng là thách thức để đảm bảo tiến độ tổng thể theo hợp đồng đã ký kết.

### III. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Trước những thách thức về môi trường đặt ra với yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội nói chung, công tác quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn nói riêng, trong thời gian tới cần xây dựng các giải pháp đồng bộ, trọng tâm theo lộ trình, kế hoạch cụ thể thực thi các giải pháp:

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin và truyền thông cũng như hoạt động giáo dục pháp luật về môi trường trong nhà trường và ngoài xã hội, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường ở các cấp, ngành và ở mỗi người dân, đặc biệt là giáo dục bảo vệ môi trường ở các cấp học phổ thông. Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường. Đây được xác định là giải pháp vừa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, vừa mang tính chiến lược, lâu dài.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, kiện toàn hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nông thôn giữa các ngành, các cấp, khắc phục tình trạng chồng chéo trong quản lý. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng; cơ chế để Nhân dân giám sát có hiệu quả việc quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, thi công hệ thống tiêu thoát nước, xử lý nước thải các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng phải được thực hiện trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xây dựng các chế tài xử phạt đủ mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về bảo vệ môi trường; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường. Chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về bảo vệ môi trường và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư ở khu vực nông thôn. Phát triển các phong trào quần chúng ở nông thôn, vận động Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; gắn nội dung bảo vệ môi trường với



phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với các tiêu chuẩn về môi trường.

- Chú trọng công tác quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề tại các khu vực nông thôn, bảo đảm tính khoa học cao, trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, toàn diện các xu thế phát triển, để có chính sách phù hợp, tránh tình trạng quy hoạch tràn lan, thiếu đồng bộ, chồng chéo. Đối với các khu công nghiệp trên địa bàn các vùng nông thôn hiện nay hoặc có ảnh hưởng đến dân cư nông thôn, cần có quy định bắt buộc về các yêu cầu bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung hoàn chỉnh trước khi cấp phép hoạt động...

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực về môi trường. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; tiến tới một nền nông nghiệp sạch – nông thôn xanh. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường, có chính sách khuyến khích những cán bộ môi trường có chuyên môn tốt về làm việc tại các khu vực nông thôn, tăng cường nhân lực chuyên môn về môi trường để thực hiện tốt công tác quản lý môi trường ở địa phương (cấp xã). Lựa chọn các công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ quản lý và tập quán của khu vực nông thôn để phổ biến áp dụng; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải trong nông nghiệp.

- Tích cực mở rộng hoạt động giao lưu và hợp tác liên vùng trong công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tham gia tích cực vào các hoạt động về môi trường; thực hiện đầy đủ các Điều ước quốc tế, các cam kết quốc tế, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường phù hợp với lợi ích quốc gia. Sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, chủ động tiếp cận công nghệ mới từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là môi trường khu vực nông thôn.

- Cần xây dựng quy chế quản lý, hương ước, qui ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải nông thôn. Thực hiện chính sách khuyến khích và các biện pháp chế tài trong quản lý chất thải nông thôn. Đồng thời ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển các tổ chức dịch vụ môi trường nông thôn.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải nông thôn. Truyền thông về quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý chất thải. Huy động đóng góp về tài chính, nhân lực. Huy động cộng đồng tham gia các dịch vụ quản lý chất thải nông thôn. Xây dựng và thực hiện các

chương trình tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn tổ chức dịch vụ, kỹ năng giám sát cộng đồng dân cư trong quản lý chất thải nông thôn.

Việc khẩn trương triển khai đồng bộ các giải pháp hướng tới việc nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, từng cá nhân phải nhận thức được trách nhiệm và cùng chung tay bảo vệ môi trường, mới có thể tạo ra chuyển biến tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất thải nói riêng, tiến tới từng bước ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu vực nông thôn hiện nay./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PVP(NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc316).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**